

PHỤ LỤC I - CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
*(Kèm theo Kế hoạch số: 1570 /KH-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh	Thứ bậc	đạt mức trung bình chung của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc	45 các tỉnh, thành	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số	Thứ bậc	45 các tỉnh, thành	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Số doanh nghiệp công nghệ số có năng lực cạnh tranh	Doanh nghiệp	≥ 3	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	≥ 45	Sở Tài chính
6	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 25	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
7.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Văn phòng UBND tỉnh
7.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Văn phòng UBND tỉnh
7.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
7.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
7.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng UBND tỉnh
7.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng UBND tỉnh
7.7	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng UBND tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
7.8	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
7.9	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
8	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 80	Ngân hàng Nhà nước khu vực 11
9	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	10-15	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	$> 0,7$	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GDP	2	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%	>60	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	3% và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Sở Tài chính
14	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	8	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Hạ tầng số			Sở Khoa học và Công nghệ
15.1	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
15.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	99	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Phản đầu đạt 80% theo yêu cầu đô thị thông minh tại một số phường nội thị của Thành phố Kon Tum và của thị trấn Măng Đen	phường, thị trấn	≥ 2	UBND Thành phố Kon Tum, UBND huyện Kon Plông

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
17	Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Hoàn thành kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Công an tỉnh
19	Hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Trung tâm dữ liệu	≥ 1	Sở Khoa học và Công nghệ
20	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	≥ 95	Ngân hàng Nhà nước khu vực 11
21	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Sở Y tế
23	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	45 các tỉnh, thành	Công an tỉnh
II	Đến năm 2045			
24	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
25	Doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh nghiệp	3-5	Sở Khoa học và Công nghệ